

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1325/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 09 - 2020
V/v tranh chấp: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kha

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Ông Trần Văn Phủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 900/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đài T sinh năm: 1975

Địa chỉ: 131 đường C, khu phố 7, phường A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Trường B sinh năm: 1970

Địa chỉ: căn hộ số 03 tầng 25 tòa nhà Park 2 (P2-25.OT03), 208 đường X, phường Y, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/05/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Bà Lê Thị Đài T và ông Đỗ Trường B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì đôi bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống và cách sống. Mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, đến đầu năm 2017 bà T có nộp đơn ly hôn tại Tòa án quận Bình Thạnh, sau khi được tòa án động viên hòa giải bà T đã rút đơn ly hôn vào tháng 3 năm 2018 để đôi bên có thêm thời gian khắc phục những bất đồng mâu thuẫn, nhưng đến nay vẫn không khắc phục được và cả hai đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Lê Thị Đài T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Trường B. Về con chung: bà T và ông B có 03 con chung tên

Đỗ Gia B1 sinh ngày 06/12/2004, Đỗ Gia P sinh ngày 19/06/2008 và Đỗ Gia Bảo N sinh ngày 30/04/2011, bà T yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con vì các con con nhỏ và từ trước đến nay các con do bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do có đủ điều kiện và khả năng nuôi con nên bà T không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn là ông Đỗ Trường B không có ý kiến trình bày vì không đến Tòa theo các lần triệu tập của Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không gửi văn bản nêu ý kiến và các chứng cứ tài liệu kèm theo.

Ngày 19/08/2020, bà Lê Thị Đài T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu như trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bị đơn Đỗ Trường B đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến (theo Phát biểu số 143/PB-DS ngày 11/09/2020):

- về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, bị đơn Đỗ Trường B cư trú tại quận Bình Thạnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục:

Ngày 19/08/2020 nguyên đơn Lê Thị Đài T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy Đơn đề nghị xét xử vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa của bà T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, bị đơn Đỗ Trường B đã được Tòa án nhiều lần thông báo, triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến phiên tòa lần hai ông B vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Đài T và ông Đỗ Trường B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 164, quyển số 01/2000 ngày 21 tháng 11 năm 2000, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì trong quá trình chung sống bà T và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau, thường xuyên gây cãi với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống và cách sống. Mâu thuẫn kéo dài thể hiện qua việc bà T nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2017, sau khi được động viên hòa giải bà T đã rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vào năm 2018 để đôi bên có thêm thời gian khắc phục những bất đồng mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không khắc phục được và bà T tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Sau khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông Đỗ Trường B lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đến lần thứ hai mở phiên tòa ông B vẫn không có mặt, không có ý kiến phản hồi cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của mình. Việc này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm, xem thường pháp luật, đồng thời ông B đã tự tước bỏ quyền trình bày nhằm bảo vệ quyền lợi của mình tại tòa và thể hiện ông không quan tâm đến việc duy trì quan hệ hôn nhân của mình.

Xét thấy quan hệ hôn nhân hạnh phúc bền vững phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lê Thị Đài T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông B có 03 con chung tên Đỗ Gia B1 sinh ngày 06/12/2004, Đỗ Gia P sinh ngày 19/06/2008 và Đỗ Gia Bảo N sinh ngày 30/04/2011, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con do bà T có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Xét thấy ông B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần và đến lần thứ hai khi mở phiên tòa vẫn không có mặt, thể hiện ông B tự tước bỏ quyền và trách nhiệm trình bày yêu cầu về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời các trẻ Đỗ Gia B1, Đỗ Gia P và Đỗ Gia Bảo N hiện nay vẫn do bà T nuôi dưỡng chăm sóc và có nguyện vọng được ở với bà T, nên việc tiếp tục giao cho bà Lê Thị Đài T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo lợi ích của trẻ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con của bà T. Ghi nhận việc bà T đủ điều kiện và khả năng nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Lê Thị Đài T phải chịu tiền án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị Đài T.

- Về hôn nhân: bà Lê Thị Đài T được ly hôn với ông Đỗ Trường B.

- Về con chung: giao cho bà Lê Thị Đài T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Đỗ Gia B1 sinh ngày 06/12/2004, Đỗ Gia P sinh ngày 19/06/2008 và Đỗ Gia Bảo N sinh ngày 30/04/2011, bà T không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đỗ Trường B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, nên tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Đài T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0020927 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 12 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THA Dân sự Q.Bình Thạnh;
- UBND xã T huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Trần Tuấn Kha